

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2025/KDTM-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phương Lan

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-KDTM ngày 10/7/2025 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1715/2025/QĐXXST- KDTM ngày 14/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 2730/2025/QĐST- KDTM ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH L; địa chỉ trụ sở: Số 33 đường 49, khu phố 3, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Huy C, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 33 đường 49, khu phố 3, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền số 01/2025/GUQ ngày 20/6/2025). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Số 165/24 đường Phan Văn Hớn, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 527/2A đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Huy C trình bày:

Công ty TNHH L (sau đây được gọi tắt là Công ty L) và Công ty TNHH T (sau đây được gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng mua bán số 02/LAQ-TT/2023 ngày 18/12/2023.

Thực hiện hợp đồng ngày 10/01/2024 Công ty L đã xuất cho Công ty T lô hàng thịt bò đông lạnh gồm 2.533,58 kg thịt thăn vai bò Úc không xương đông lạnh và 2.673,39 kg thịt thăn vai bò Úc không xương ngũ cốc đông lạnh với tổng

số tiền 989.324.300 đồng. Ngày 26/10/2024 hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ với nội dung Công ty T còn nợ Công ty L số tiền trên và cam kết thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 31/12/2024. Đến ngày 21/3/2025 các bên tiếp tục ký biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ, theo đó công ty tiếp tục cam kết sẽ trả dứt điểm số tiền nợ trước ngày 31/5/2025, tuy nhiên đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết. Nay Công ty L yêu cầu Công ty T trả dứt điểm số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu tính lãi và xin rút yêu cầu tính tiền phạt do chậm thanh toán.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ yêu cầu tính tiền phạt do chậm thanh toán của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty L khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán tiền nợ mua hàng. Do đó, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 989.324.300 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do phía nguyên

đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định Công ty L và Công ty T có ký kết Hợp đồng mua bán số 02/LAQ-TT/2023 ngày 18/12/2023. Việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền và nghĩa của các bên đã phát sinh.

Tại Điều IV của Hợp đồng các bên đã ký quy định về thời hạn thanh toán như sau: Bên mua thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, thực tế ngày 10/01/2024 nguyên đơn đã xuất bán cho bị đơn số hàng hóa trên, ngày 26/10/2024 hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ với nội dung Công ty T còn nợ Công ty L số tiền trên và cam kết thanh toán chậm nhất đến ngày 31/12/2024, tuy nhiên sau khi ký biên bản xác nhận công nợ cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện đúng cam kết. Xét, bị đơn chưa hoàn tất việc thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[3.2] Về yêu cầu tính tiền phạt do chậm thanh toán: Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2025 nguyên đơn yêu tính tiền phạt do chậm thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có Đơn đề nghị rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 244, 266, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 24, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Luật thi hành án Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH L tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 02/LAQ-TT/2023 ngày 18/12/2023 là 989.324.300 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Công ty TNHH T phải chịu tiền phạt do chậm thanh toán của nguyên đơn.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH L phải chịu án phí là 41.679.729 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 27.962.985 đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0002742 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV7 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên